

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH PHÚ YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 62/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 13 tháng 12 năm 2012

**NGHỊ QUYẾT**

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2013**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**  
**KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ dự toán ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1792/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2013;

Sau khi xem xét Báo cáo số 212/BC-UBND ngày 03/12/2012 về tình hình ước thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2012; dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2013; Báo cáo số 215/BC-UBND ngày 03/12/2012 về tình hình đầu tư phát triển năm 2012 và kế hoạch năm 2013 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Phú Yên năm 2013 như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 1.850.000 triệu đồng (Một nghìn tám trăm năm mươi tỷ đồng).
2. Tổng thu ngân sách địa phương: 4.463.952 triệu đồng (Bốn nghìn bốn trăm sáu mươi ba tỷ, chín trăm năm mươi hai triệu đồng).
3. Tổng chi ngân sách địa phương: 4.463.952 triệu đồng (Bốn nghìn bốn trăm sáu mươi ba tỷ, chín trăm năm mươi hai triệu đồng).

*(Kèm theo các phụ lục số 01, 02 và 03)*

**Điều 2.** Phân bổ ngân sách tỉnh năm 2013 như sau:

1. Tổng thu cân đối ngân sách tỉnh là: 3.896.282 triệu đồng (Ba nghìn tám trăm chín mươi sáu tỷ, hai trăm tám mươi hai triệu đồng)

2. Tổng chi cân đối ngân sách tỉnh là: 3.896.282 triệu đồng (Ba nghìn tám trăm chín mươi sáu tỷ, hai trăm tám mươi hai triệu đồng)

Trong đó:

- Phân bổ ngân sách tỉnh cho các cơ quan, ban, ngành thuộc tỉnh là: 1.384.967 triệu đồng.

- Bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh là: 1.660.040 triệu đồng (Một nghìn sáu trăm sáu mươi tỷ, không trăm bốn mươi triệu đồng).

- Dự phòng chi ngân sách cấp tỉnh: 47.440 triệu đồng.

- Bổ sung Quỹ dự trữ tài chính: 1.000 triệu đồng.

- Tổng số chưa phân bổ: 802.835 triệu đồng, trong đó: Chi thường xuyên ngân sách tỉnh chưa phân chi tiết cho các đơn vị: 44.805 triệu đồng; kinh phí mua bảo hiểm y tế người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi là: 81.487 triệu đồng; nguồn thực hiện cải cách tiền lương do địa phương đảm bảo: 32.190 triệu đồng; ngân sách địa phương chưa phân bổ: 620.053 triệu đồng (vốn xây dựng cơ bản hỗ trợ có mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia 471.518 triệu đồng, vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia: 105.512 triệu đồng). Chi quản lý qua Kho bạc nhà nước (chi ngoài cân đối): 24.300 triệu đồng, gồm: chi từ nguồn xổ số kiến thiết: 12.000 triệu đồng, chi từ nguồn phạt an toàn giao thông: 10.000 triệu đồng, chi từ nguồn thu phạt khác: 2.300 triệu đồng. Giao cho UBND tỉnh trong quá trình điều hành, tiếp tục lập phương án phân bổ, thống nhất ý kiến với Thường trực HĐND tỉnh trước khi thực hiện và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

*(Kèm theo các phụ lục số 04, 05)*

**Điều 3.** Thông qua các giải pháp thực hiện dự toán ngân sách địa phương của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh; các giải pháp tại Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh và nhấn mạnh một số vấn đề cơ bản sau đây:

1. UBND tỉnh chỉ đạo các ngành và các địa phương trong việc tổ chức theo dõi sát diễn biến giá cả thị trường trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là giá các loại nguyên, nhiên, vật liệu quan trọng là đầu vào của nền kinh tế; kiến nghị, đề xuất kịp thời các biện pháp bình ổn giá theo Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 26/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá những tháng cuối năm 2012, không để xảy ra thiếu hàng, sốt giá trên địa bàn tỉnh, nhất là trong dịp tết Nguyên đán cổ truyền của dân tộc.

2. UBND tỉnh chỉ đạo các ngành và các địa phương tiếp tục triển khai và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường và xem đây là nhiệm vụ trọng tâm trong việc điều hành dự toán ngân sách nhà nước. Với mục tiêu: Tiếp tục thực hiện chính sách tài khóa thắt chặt, tiết kiệm, cắt giảm

đầu tư công để góp phần cùng chính sách tiền tệ ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát. Bố trí chi chặt chẽ, tiết kiệm và nâng cao hiệu quả chi tiêu công. Ưu tiên nguồn lực để thực hiện các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội...

3. Nhiệm vụ quan trọng của công tác thu ngân sách năm 2013 là tập trung tổ chức bám sát tình hình đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, sự phục hồi của nền kinh tế và hoạt động xuất nhập khẩu năm 2013; tính đúng, tính đủ, kịp thời các khoản thu ngân sách theo các chính sách, chế độ hiện hành và những chế độ, chính sách mới có hiệu lực thi hành năm 2013; các khoản thu ngân sách nhà nước của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phát sinh, phải nộp trong năm 2013, trong đó chú ý tính các khoản thu phát sinh từ các dự án đầu tư đã hết thời gian ưu đãi thuế, các khoản thu được gia hạn năm 2012 phải thu vào năm 2013 theo Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 của Chính phủ. Hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn tín dụng với lãi suất hợp lý. Ưu tiên tín dụng cho sản xuất nông nghiệp, hàng xuất khẩu, công nghiệp, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tháo gỡ vướng mắc về thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, thực hiện các giải pháp phù hợp để giải quyết hàng tồn kho. Thúc đẩy sự hợp tác giữa các doanh nghiệp liên quan và ngân hàng; tăng cường xúc tiến thương mại, phát triển thị trường trong nước, đẩy mạnh cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, trong đó khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, góp phần tăng thu ngân sách cho địa phương. Bên cạnh đó, tổ chức thực hiện tốt Luật Quản lý thuế nhằm động viên hợp lý các khoản thu vào ngân sách nhà nước; đồng thời vừa phải tạo sự khuyến khích sản xuất kinh doanh phát triển, tăng tích lũy và phát triển nguồn thu; vừa đảm bảo nguồn lực thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, vừa chủ động ứng phó với những tác động của thị trường giá cả, vừa phải đẩy mạnh cải cách thủ tục thuế, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp; thực hiện cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế, tăng trách nhiệm của người nộp thuế và cơ quan thu thuế, tăng cường công tác kiểm tra, chống thất thu, nợ đọng thuế, tạo môi trường bình đẳng cho mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

4. Công tác quản lý chi ngân sách, UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện nghiêm quy định của Luật Ngân sách nhà nước; tăng cường công tác quản lý và giám sát chặt chẽ các khoản chi, đảm bảo yêu cầu chi đã được bố trí trong dự toán được HĐND tỉnh thông qua. Trường hợp nếu nguồn thu không đạt dự toán thì phải sắp xếp lại một số khoản chi để giảm chi tương ứng với nguồn thu.

5. Ưu tiên bố trí chi đầu tư phát triển để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2013 và giai đoạn 2011-2015 của tỉnh, trong đó ưu tiên bố trí dự toán cho các dự án, công trình trọng điểm của tỉnh, phát triển khu vực nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy xóa đói giảm nghèo và phát triển bền vững; tiếp tục ưu tiên bố

trí vốn đầu tư phát triển nguồn nhân lực cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh...

6. Trong quá trình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2013, UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, các địa phương phân đấu thu vượt nhiệm vụ được giao để bổ sung đầu tư phát triển, phòng chống thiên tai, dịch bệnh và xử lý các vấn đề cấp bách, đột xuất phát sinh trong năm ở từng ngành, từng cấp và dành nguồn để thực hiện cải cách tiền lương, thực hiện các chính sách đảm bảo an sinh xã hội.

#### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được HĐND tỉnh thông qua.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, ban, ngành và các địa phương thuộc tỉnh quản lý theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Tổ chức quản lý, điều hành ngân sách theo dự toán đã được HĐND tỉnh thông qua. Trong quá trình thực hiện giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh, nếu có sự phát sinh thay đổi so với dự toán ngân sách đã phân bổ thì phải thông qua Thường trực HĐND tỉnh trước khi điều chỉnh và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Phú Yên khóa VI, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 13/12/2012./.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Tấn Việt**

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2013**  
**TỈNH PHÚ YÊN**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán 2013
<b>A</b>	<b>Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn</b>	<b>1.850.000</b>
<b>I</b>	<b>Thu trong cân đối</b>	<b>1.572.870</b>
1	Thu nội địa	1.559.870
2	Thu từ xuất nhập khẩu	13.000
3	Thu viện trợ không hoàn lại	
<b>II</b>	<b>Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN</b>	<b>277.130</b>
<b>B</b>	<b>Thu ngân sách địa phương</b>	<b>4.463.952</b>
<b>I</b>	<b>Thu trong cân đối</b>	<b>4.186.822</b>
1	Thu NSDP hưởng theo phân cấp	1.552.720
	- Các khoản thu NSDP hưởng 100%	407.240
	- Các khoản thu NSDP hưởng tỷ lệ %	1.145.480
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	2.604.102
	- Bổ sung cân đối	1.377.049
	- Bổ sung cải cách tiền lương	547.317
	- Bổ sung có mục tiêu	679.736
	<i>Trong đó: vốn xây dựng cơ bản ngoài nước</i>	<i>112.000</i>
3	Thu vay theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN (KCH kênh mương, GTNT, làng nghề)	30.000
<b>II</b>	<b>Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN</b>	<b>277.130</b>
<b>C</b>	<b>Chi ngân sách địa phương</b>	<b>4.463.952</b>
<b>I</b>	<b>Chi trong cân đối</b>	<b>4.186.822</b>
1	Chi đầu tư phát triển	877.518
	<i>Trong đó: Chi trả nợ vay (gốc và lãi)</i>	<i>139.475</i>
2	Chi thường xuyên	3.187.694
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000
4	Dự phòng chi	88.420
5	Tạo nguồn cải cách tiền lương từ tăng thu NSDP hưởng DTĐP 2013 so DTTW 2013	32.190
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu để lại đơn vị quản lý qua NSNN</b>	<b>277.130</b>

## DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2013

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Tổng số	Khối tỉnh	Khối huyện	Chia ra các huyện, thị xã, thành phố								
					TP Tuy Hòa	H Phú Hòa	Đông Hòa	Tây Hòa	Tuy An	TX Sông Cầu	Đôn g Xuâ n	Sơn Hòa	Sông Hinh
	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>1.850.000</b>	<b>1.282.330</b>	<b>567.670</b>	<b>259.500</b>	<b>34.350</b>	<b>43.500</b>	<b>39.77 0</b>	<b>39.56 0</b>	<b>48.85 0</b>	<b>40.64 0</b>	<b>21.50 0</b>	<b>40.000</b>
<b>A</b>	<b>Tổng các khoản thu cân đối NSNN</b>	<b>1.572.870</b>	<b>1.061.030</b>	<b>511.840</b>	<b>246.110</b>	<b>27.850</b>	<b>37.000</b>	<b>31.27 0</b>	<b>34.56 0</b>	<b>42.65 0</b>	<b>36.64 0</b>	<b>17.96 0</b>	<b>37.800</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>1.559.870</b>	<b>1.048.030</b>	<b>511.840</b>	<b>246.110</b>	<b>27.850</b>	<b>37.000</b>	<b>31.27 0</b>	<b>34.56 0</b>	<b>42.65 0</b>	<b>36.64 0</b>	<b>17.96 0</b>	<b>37.800</b>
1	Thu từ DNNN Trung ương	183.000	183.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Thu từ DNNN Địa phương	183.000	154.400	28.600	0	0	0	0	2.200	0	25.20 0	200	1.000
3	Thu DN có vốn đầu tư nước ngoài	99.000	99.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Thu thuế ngoài quốc doanh	512.700	254.850	257.850	117.500	13.500	20.000	14.25 0	19.50 0	20.60 0	7.500	11.00 0	34.000
5	Lệ phí trước bạ	55.000	0	55.000	41.610	960	3.200	1.750	2.100	2.900	630	700	1.150
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.000	1.090	4.910	4.000	50	150	100	350	250	0	10	0
8	Thuế thu nhập cá nhân	85.000	63.480	21.520	15.400	760	1.050	650	700	1.200	520	690	550
9	Thu phí bảo vệ môi trường	150.110	150.000	110	0	110	0	0	0	0	0	0	0
10	Thu phí và lệ phí	20.500	12.610	7.890	2.300	600	1.000	450	800	1.250	400	700	390
11	Thuế chuyển quyền sử dụng đất	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Tiền sử dụng đất	184.900	100.000	84.900	46.000	2.000	7.150	5.000	6.000	14.00 0	1.000	3.500	250
13	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	14.000	12.060	1.940	800	70	200	70	150	500	10	80	60
14	Thu tiền thu, bán nhà thuộc SHNN	25.060	10.050	15.010	15.000	0	0	0	10	0	0	0	0



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2013  
TỈNH PHÚ YÊN**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiết	Dự toán 2013	Khối tỉnh	Khối huyện	Trong đó								
				TP Tuy Hòa	H. Phú Hòa	H Đông Hòa	H Tây Hòa	H Tuy An	TX Sông Cầu	H Đông Xuân	H Sơn Hòa	H Sông Hinh
<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>4.463.952</b>	<b>1.583.998</b>	<b>2.227.710</b>	<b>397.017</b>	<b>213.147</b>	<b>249.775</b>	<b>263.543</b>	<b>267.962</b>	<b>238.054</b>	<b>208.232</b>	<b>195.505</b>	<b>194.475</b>
<b>A. CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>4.186.822</b>	<b>1.362.698</b>	<b>2.171.880</b>	<b>383.627</b>	<b>206.647</b>	<b>243.275</b>	<b>255.043</b>	<b>262.962</b>	<b>231.854</b>	<b>204.232</b>	<b>191.965</b>	<b>192.275</b>
<b>I. Chi đầu tư phát triển</b>	<b>877.518</b>	<b>184.800</b>	<b>191.200</b>	<b>75.000</b>	<b>10.260</b>	<b>15.450</b>	<b>16.425</b>	<b>16.635</b>	<b>24.075</b>	<b>10.520</b>	<b>12.700</b>	<b>10.135</b>
1. Chi đầu tư XDCB tập trung	374.000	182.800	191.200	75.000	10.260	15.450	16.425	16.635	24.075	10.520	12.700	10.135
a) Vốn trong nước	174.100	82.800	91.300	14.000	8.260	8.300	11.425	10.635	10.075	9.520	9.200	9.885
- Trả nợ gốc và lãi vay	39.475	39.475										
- Vốn phân bổ <sup>(1)</sup>	134.625	43.325	91.300	14.000	8.260	8.300	11.425	10.635	10.075	9.520	9.200	9.885
Trong đó: + Chi giáo dục – đào tạo <sup>(2)</sup>	62.040	22.340	39.700									
+ Chi khoa học công nghệ <sup>(2)</sup>	11.000	4.000	7.000									
b) Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	184.900	100.000	84.900	46.000	2.000	7.150	5.000	6.000	14.000	1.000	3.500	250
- Huyện thu để lại đầu tư	84.900		84.900	46.000	2.000	7.150	5.000	6.000	14.000	1.000	3.500	250
- Tiền sử dụng đất khối tỉnh bố trí trả nợ vay	100.000	100.000										
c) Đầu tư từ nguồn thu bán nhà thuộc SHNN (TP Tuy Hòa)	15.000		15.000	15.000								
2. Vốn XDCB bổ sung có mục tiêu <sup>(3)</sup>	471.518	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Vốn đầu tư thực hiện một số nhiệm vụ	295.589		0									
- Vốn đầu tư CTMTQG, CT 135, 5 triệu ha rừng	63.929		0									
- Vốn ngoài nước	112.000		0									
3. Chi từ nguồn huy động theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN <sup>(4)</sup>	30.000	0	0									
- Vay vốn nhân rỗi Kho bạc												
- Vay KCH kênh mương, GTNT, làng nghề <sup>(4)</sup>	30.000											
4. Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp nhà nước	2.000	2.000										



Chi tiết	Dự toán 2013	Khối tỉnh	Khối huyện	Trong đó								
				TP Tuy Hòa	H. Phú Hòa	H Đông Hòa	H Tây Hòa	H Tuy An	TX Sông Cầu	H Đông Xuân	H Sơn Hòa	H Sông Hinh
<b>IV. Dự phòng ngân sách</b>	<b>88.420</b>	<b>47.440</b>	<b>40.980</b>	<b>7.810</b>	<b>3.940</b>	<b>4.370</b>	<b>4.800</b>	<b>4.970</b>	<b>4.190</b>	<b>3.780</b>	<b>3.650</b>	<b>3.470</b>
<b>V. Tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định</b>	<b>32.190</b>		<b>0</b>									
<b>B. Chi từ nguồn thu để lại</b>	<b>277.130</b>	<b>221.300</b>	<b>55.830</b>	<b>13.390</b>	<b>6.500</b>	<b>6.500</b>	<b>8.500</b>	<b>5.000</b>	<b>6.200</b>	<b>4.000</b>	<b>3.540</b>	<b>2.200</b>

**Ghi chú:** Dự toán chi NSDP nêu trên:

- Đã bao gồm các chế độ tiền lương và phụ cấp lương tối thiểu 1.050.000 đồng.
- Đã bao gồm các chế độ chi do địa phương quy định và đảm bảo bằng nguồn NSDP.
- <sup>(1)</sup> Vốn XDCB tập trung trong nước có bố trí hỗ trợ tăng thêm cho TX Sông Cầu 1.300 triệu đồng đầu tư ngoài hàng rào (đền bù GPMB dự án đường vào khu du lịch Bãi Ôm).
- Vốn XDCB chưa phân rã: <sup>(2)</sup> Vốn XDCB bố trí cho lĩnh vực GD-ĐT, KHCN của khối huyện còn tiếp tục giao chi tiết từng huyện; <sup>(3)</sup> Vốn XDCB từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu, Chương trình MTQG chưa phân chi tiết (chờ thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư) là 471.518 triệu đồng; <sup>(4)</sup> Vốn vay kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn 30 tỷ đồng phân bổ sau.
- Vốn sự nghiệp Trung ương bổ sung có mục tiêu chưa phân bổ: <sup>(5)</sup> Sự nghiệp kinh tế 2.000 triệu đồng (vốn di dân theo Quyết định 193); <sup>(6)</sup> Sự nghiệp giáo dục và đào tạo 4.523 triệu đồng (hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em từ 3-5 tuổi 2.586 triệu đồng; học bổng học sinh DTNT 1.937 triệu đồng); <sup>(7)</sup> Quản lý hành chính 2.430 triệu đồng (kinh phí thực hiện QĐ 99-QĐ/TW); <sup>(8)</sup> Chi an ninh 4.070 triệu đồng (tăng biên chế cho công an xã theo Nghị quyết 73 của HĐND tỉnh, chưa tuyển); <sup>(9)</sup> Vốn sự nghiệp Chương trình MTQG 105.512 triệu đồng phân bổ sau.

## Phụ lục số 05

**CÂN ĐỐI THU CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2013  
KHỐI HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

Đơn vị tính: triệu đồng

ST T	Nội dung	Tổng cộng	Chia ra các huyện, thị xã, thành phố								
			TP. Tuy Hòa	Phú Hòa	Đông Hòa	Tây Hòa	Tuy An	TX. Sông Cầu	Đông Xuân	Sơn Hòa	Sông Hinh
<b>I</b>	<b>Dự toán thu NSNN năm 2013 (A+B)</b>	<b>567.670</b>	<b>259.500</b>	<b>34.350</b>	<b>43.500</b>	<b>39.770</b>	<b>39.560</b>	<b>48.850</b>	<b>40.640</b>	<b>21.500</b>	<b>40.000</b>
<b>A</b>	<b>Thu trong cân đối ngân sách</b>	<b>511.840</b>	<b>246.110</b>	<b>27.850</b>	<b>37.000</b>	<b>31.270</b>	<b>34.560</b>	<b>42.650</b>	<b>36.640</b>	<b>17.960</b>	<b>37.800</b>
1	Thu nội địa	511.840	246.110	27.850	37.000	31.270	34.560	42.650	36.640	17.960	37.800
	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>84.900</i>	<i>46.000</i>	<i>2.000</i>	<i>7.150</i>	<i>5.000</i>	<i>6.000</i>	<i>14.000</i>	<i>1.000</i>	<i>3.500</i>	<i>250</i>
	<i>Thu tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>	<i>15.000</i>	<i>15.000</i>								
2	Thu từ xuất nhập khẩu	0									
3	Thu viện trợ không hoàn lại	0									
<b>B</b>	<b>Thu ngoài cân đối ngân sách</b>	<b>55.830</b>	<b>13.390</b>	<b>6.500</b>	<b>6.500</b>	<b>8.500</b>	<b>5.000</b>	<b>6.200</b>	<b>4.000</b>	<b>3.540</b>	<b>2.200</b>
<b>II</b>	<b>Thu ngân sách địa phương năm 2013 (A + B)</b>	<b>2.227.710</b>	<b>397.017</b>	<b>213.147</b>	<b>249.775</b>	<b>263.543</b>	<b>267.962</b>	<b>238.054</b>	<b>208.232</b>	<b>195.505</b>	<b>194.475</b>
<b>A</b>	<b>Thu NSDP hưởng trong cân đối</b>	<b>2.171.880</b>	<b>383.627</b>	<b>206.647</b>	<b>243.275</b>	<b>255.043</b>	<b>262.962</b>	<b>231.854</b>	<b>204.232</b>	<b>191.965</b>	<b>192.275</b>
<b>1</b>	<b>Thu NSDP hưởng theo phân cấp</b>	<b>511.840</b>	<b>246.110</b>	<b>27.850</b>	<b>37.000</b>	<b>31.270</b>	<b>34.560</b>	<b>42.650</b>	<b>36.640</b>	<b>17.960</b>	<b>37.800</b>
	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	223.780	121.210	14.560	17.580	17.630	13.780	23.750	4.415	7.600	3.255
	Các khoản thu NSDP hưởng theo tỷ lệ %	288.060	124.900	13.290	19.420	13.640	20.780	18.900	32.225	10.360	34.545
<b>2</b>	<b>Bổ sung từ ngân sách tỉnh năm 2013</b>	<b>1.660.040</b>	<b>137.517</b>	<b>178.797</b>	<b>206.275</b>	<b>223.773</b>	<b>228.402</b>	<b>189.204</b>	<b>167.592</b>	<b>174.005</b>	<b>154.475</b>
2.1	Bổ sung cân đối ngân sách	1.124.913	77.274	123.208	138.938	152.926	158.997	132.989	119.435	119.956	101.190
	Bổ sung chi đầu tư XDCB <sup>(1)</sup>	91.300	14.000	8.260	8.300	11.425	10.635	10.075	9.520	9.200	9.885
	Bổ sung chi thường xuyên	1.033.613	63.274	114.948	130.638	141.501	148.362	122.914	109.915	110.756	91.305

ST T	Nội dung	Tổng cộng	Chia ra các huyện, thị xã, thành phố								
			TP. Tuy Hòa	Phú Hòa	Đông Hòa	Tây Hòa	Tuy An	TX. Sông Cầu	Đông Xuân	Sơn Hòa	Sông Hinh
2.2	Bổ sung có mục tiêu	535.127	60.243	55.589	67.337	70.847	69.405	56.215	48.157	54.049	53.285
	Bổ sung chi đầu tư XDCB	0									
	Bổ sung chi thường xuyên	535.127	60.243	55.589	67.337	70.847	69.405	56.215	48.157	54.049	53.285
2.3	Bổ sung chi CTMTQG và các dự án lớn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Bổ sung chi đầu tư XDCB	0									
	Bổ sung chi thường xuyên	0									
2.4	Bổ sung chi từ nguồn vốn nước ngoài	0	0	0	0	0	0				0
	Bổ sung chi đầu tư XDCB	0									
<b>B</b>	<b>Thu ngoài cân đối ngân sách</b>	<b>55.830</b>	<b>13.390</b>	<b>6.500</b>	<b>6.500</b>	<b>8.500</b>	<b>5.000</b>	<b>6.200</b>	<b>4.000</b>	<b>3.540</b>	<b>2.200</b>
<b>III</b>	<b>Chi ngân sách địa phương năm 2013 (A + B)</b>	<b>2.227.710</b>	<b>397.017</b>	<b>213.147</b>	<b>249.77 5</b>	<b>263.54 3</b>	<b>267.96 2</b>	<b>238.05 4</b>	<b>208.23 2</b>	<b>195.50 5</b>	<b>194.47 5</b>
<b>A</b>	<b>Chi trong cân đối ngân sách</b>	<b>2.171.880</b>	<b>383.627</b>	<b>206.647</b>	<b>243.27 5</b>	<b>255.04 3</b>	<b>262.96 2</b>	<b>231.85 4</b>	<b>204.23 2</b>	<b>191.96 5</b>	<b>192.27 5</b>
1	Chi đầu tư phát triển	191.200	75.000	10.260	15.450	16.425	16.635	24.075	10.520	12.700	10.135
2	Chi thường xuyên <sup>(2)</sup>	1.939.700	300.817	192.447	223.45 5	233.81 8	241.35 7	203.58 9	189.93 2	175.61 5	178.67 0
3	Dự phòng chi	40.980	7.810	3.940	4.370	4.800	4.970	4.190	3.780	3.650	3.470
4	Nguồn CCTL năm 2012 còn dư chuyển năm sau	0									
<b>B</b>	<b>Chi ngoài cân đối ngân sách <sup>(3)</sup></b>	<b>55.830</b>	<b>13.390</b>	<b>6.500</b>	<b>6.500</b>	<b>8.500</b>	<b>5.000</b>	<b>6.200</b>	<b>4.000</b>	<b>3.540</b>	<b>2.200</b>

**Ghi chú:**

- <sup>(1)</sup> Chi xây dựng cơ bản tập trung (vốn trong nước) từ nguồn xây dựng tập trung của tỉnh bố trí tăng thêm ngoài hàng rào cho thị xã Sông Cầu 1.300 triệu đồng để đền bù giải phóng mặt bằng Dự án vào khu du lịch Bãi Ôm.
- <sup>(2)</sup> Đã bao gồm 10% tiết kiệm chi thường xuyên để lại thực hiện cải cách tiền lương năm 2013.
- <sup>(3)</sup> Đã bao gồm 40% thu học phí để lại thực hiện cải cách tiền lương năm 2013.